

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-PT
Ngày 14 tháng 12 năm 2017
“Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chung.

Ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Là thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Bùi Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2017/QĐ - PT ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đăng L, sinh năm 1968;

Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1973.

Đều cư trú tại: Khu đô thị B, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Th: Ông Nguyễn Đăng L.

2. *Đồng bị đơn:* Ông Hồng Mỹ Tr, sinh năm 1964;

Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1964.

Đều cư trú tại: Đường P, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng Mỹ Tr và bà Nguyễn Thị Ng: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Công ty TNHH MTV H1 (theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2017).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty TNHH Ch;

Trụ sở: Xóm C1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng L - Giám đốc.

3.2. Ông Nguyễn Đăng A, sinh năm 1960.

Cư trú tại: Đường P, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.3. Ông Nguyễn Đăng Đ, sinh năm 1965.

Cư trú tại: Thôn T1, xã T2, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A và ông Đ: Ông Nguyễn Đăng L.

3.4. Ngân hàng F.

Địa chỉ: Đường U1, phường U2, quận K1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng L1 - Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng F - Chi nhánh X (theo văn bản ủy quyền số 344 ngày 16/5/2016).

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Toà án, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị Th (người đại diện theo ủy quyền của bà Th là ông Nguyễn Đăng L) trình bày:

Ngày 12/6/2015, ông Hồng Mỹ Tr và bà Nguyễn Thị Ng có ký giấy nhận nợ với ông và bà Phạm Thị Th, nội dung: Ông Tr, bà Ng nhận nợ tiền vay của vợ chồng ông bà tổng số tiền là 4.307.777.000đồng. Toàn bộ số tiền vay trên cam kết được trả lãi hàng tháng theo lãi suất Ngân hàng. Nguyên nhân của việc ký giấy nhận nợ là do ngày 22/12/2013 ông Tr và bà Ng nhờ ông với tư cách là Giám đốc của Công ty TNHH Ch đứng tên vay hộ tiền tại Ngân hàng F - Chi nhánh X với số tiền 1.500.000.000đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 73,9m² thuộc thửa số 221C, tờ bản đồ 41+52 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hồng Mỹ Tr. Ngoài ra, ông bà có cho ông Tr, bà Ng vay 100.000.000đồng. Tổng cộng ông Tr, bà Ng vay là 1.600.000.000đồng. Ông Tr và bà Ng còn vay của các anh trai ông là ông Nguyễn Đăng Đ số tiền 150.000.000đồng và của ông Nguyễn Đăng A số tiền 2.500.000.000đồng. Do đó ngày 12/6/2015 ông Đ, ông A và ông cùng vợ chồng ông Tr, bà Ng thống nhất chuyển toàn bộ khoản nợ của ông Đ và ông A sang cho ông để ông Tr và bà Ng nhận nợ của ông bà số tiền là 4.307.777.000đồng (trong đó có 4.250.000.000đồng tiền gốc và 57.777.000đồng tiền lãi của số tiền 1.500.000.000đồng vay tại Ngân hàng vì mặc dù trong hợp đồng tín dụng thể hiện Công ty TNHH Ch vay tiền nhưng toàn bộ số tiền này ông vay hộ ông Tr, bà Ng sử dụng và hàng tháng phải trả lãi cho Ngân hàng theo lãi suất do Ngân hàng quy định. Có những tháng ông Tr, bà Ng chưa trả được lãi thì ông trả thay

sau đó ông Tr, bà Ng trả lại cho ông). Kể từ thời điểm chuyển nợ cho đến nay, ông Tr và bà Ng không thanh toán trả nợ như cam kết.

Do đó, ngày 29/9/2015 ông bà đã gửi thông báo yêu cầu trả nợ lần 1, ngày 25/10/2015 gửi thông báo yêu cầu trả nợ lần 2 nhưng cho đến nay, ông Tr và bà Ng vẫn không trả tiền. Ông đề nghị ông Tr và bà Ng có trách nhiệm trả nợ cho ông bà số tiền gốc là 4.250.000.000đồng và tiền lãi với lãi suất 9%/năm kể từ ngày 12/6/2015 cho đến nay theo đúng như cam kết trong Giấy vay tiền và khoản tiền lãi trả nợ Ngân hàng 57.777.000đồng. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng tín dụng đã ký kết để vay tiền tại Ngân hàng, ông bà không đề nghị xem xét, giải quyết.

Bị đơn, ông Hồng Mỹ Tr và bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Ông bà xác nhận lời trình bày của ông L bà Th về quá trình ông bà vay tiền, việc thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của ông bà để nhờ Công ty TNHH Ch vay tiền là đúng.

Ngày 12/6/2015 ông bà trả cho ông L, bà Th 1.800.000.000đồng và yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông L, bà Th không đồng ý và các bên đã chốt cả khoản nợ của ông A và ông Đ. Do đó ông bà có viết giấy nhận nợ đối với ông L, bà Th số tiền 4.307.777.000đồng, từ đó cho đến nay ông bà chưa trả cho ông L, bà Th đồng nào. Ông bà đồng ý trả cho ông L, bà Th toàn bộ số tiền trên nhưng đề nghị được trả nợ làm nhiều lần và đề nghị được miễn toàn bộ tiền lãi. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng và hợp đồng thế chấp tài sản, ông bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Công ty TNHH Ch do ông Nguyễn Đăng L - Giám đốc trình bày:

Ngày 24/12/2013 ông Tr, bà Ng ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 79,3m² thuộc thửa số 221C, tờ bản đồ 41+52 vị trí thửa đất tại phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hồng Mỹ Tr để Công ty TNHH Ch vay số tiền 1.500.000.000đồng (thực chất số tiền này ông Tr, bà Ng nhờ Công ty vay hộ nên ông L đã đưa toàn bộ tiền cho ông Tr, bà Ng và hàng tháng ông Tr, bà Ng trả lãi theo lãi suất vay của Ngân hàng). Hiện nay quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được thế chấp tại Ngân hàng F - Chi nhánh X. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ngân hàng đang quản lý. Công ty không đề nghị xem xét đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đối với số tiền vay 1.500.000.000đồng.

Ông Nguyễn Đăng Đ trình bày: Ông Tr, bà Ng là hàng xóm nhà ông. Ông có cho ông Tr, bà Ng vay số tiền 150.000.000đồng có viết giấy biên nhận. Đây là khoản tiền của mình ông, không liên quan gì đến vợ con. Ông được biết các em trai là Nguyễn Đăng A và Nguyễn Đăng L cũng cho ông Tr, bà Ng vay tiền nên các bên thống nhất chuyển nợ cho ông L. Do đó, ngày 12/6/2015 ông Tr, bà

Ng ký giấy nhận nợ với ông L, bà Th số tiền 4.307.777.000đồng và ông đã đưa lại giấy vay tiền cho ông Tr, bà Ng.

Ông Nguyễn Đăng A trình bày:

Năm 2014 ông Tr, bà Ng có vay của ông tiền làm nhiều lần với tổng số là 2.500.000.000đồng. Ngày 12/6/2015 các anh em ông gồm ông Đ, ông A và ông L cùng ông Tr, bà Ng thống nhất ông Tr, bà Ng nhận nợ với ông L, bà Th số tiền 4.307.777.000đồng nên ông Tr, bà Ng không còn vay nợ của ông nữa.

Ngân hàng F trình bày:

Ngày 09/6/2014 Ngân hàng F - Chi nhánh X ký hợp đồng tín dụng số 14.51.0016/2014 với Công ty TNHH Ch, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng L - Giám đốc. Theo đó, Ngân hàng cho Công ty Ch vay số tiền 1.500.000.000đồng. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng diện tích đất 79,3m² và tài sản gắn liền với đất tại phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thuộc thửa số 221C, tờ bản đồ 41+52, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 833018 ngày 17/3/2008 mang tên Hồng Mỹ Tr. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay Ngân hàng vẫn đang quản lý. Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với khoản nợ của Công ty Ch và không đề nghị giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp cũng như hợp đồng tín dụng. Việc ông L, bà Th khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án như đã nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 09/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 463, 466; 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị Th đối với ông Hồng Mỹ Tr và bà Nguyễn Thị Ng.

Buộc ông Hồng Mỹ Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị Th tổng số tiền là 5.133.339.500đồng (trong đó nợ gốc là 4.250.000.000đồng, nợ lãi là 883.339.500đồng).

Ngoài ra bản án còn tính án phí, tuyên lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2017, anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm nhưng không nêu lý do kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo nêu các lý do sau:

- Cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết các quan hệ phát sinh trước ngày luật này có hiệu lực là không chính xác;
- Cùng ngày 12/6/2015, ông Tr bà Ng ký giấy nhận nợ với ông L, bà Th số tiền 4.307.777.000đồng và giấy bán nhà đất cũng với số tiền 4.307.777.000đồng. Vậy hai giao dịch này có phải là một hay là hai quan hệ độc

lập. Như vậy ông L có quyền đòi nợ và có quyền yêu cầu thực hiện giao dịch mua bán nhà đất, điều này xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr, bà Ng nhưng không được cấp sơ thẩm làm rõ;

- Ông Tr, bà Ng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà để Công ty TNHH Ch vay tiền. Thực chất số tiền này ông L đã đưa lại cho ông bà Tr Ng sử dụng và đã thể hiện trong giấy nhận nợ. Tuy nhiên trường hợp Công ty TNHH Ch không trả được nợ thì ông Tr, bà Ng phải trả khoản nợ này cho Ngân hàng và phải trả nợ cho ông L theo giấy nhận nợ ngày 12/6/2015. Như vậy quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr, bà Ng không được đảm bảo nhưng cấp sơ thẩm không xem xét làm rõ;

- Hiện nay bà Hồng Kim Z là chị gái ông Tr đang yêu cầu tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Tr đã thế chấp tại Ngân hàng để Công ty TNHH Ch vay tiền và đang được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết. Yêu cầu này trực tiếp liên quan đến nội dung tranh chấp mà ông L khởi kiện, cần phải nhập hai vụ án để giải quyết một cách toàn diện nhưng cấp sơ thẩm không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa sau khi phân tích việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Đối với lý do kháng cáo thứ nhất: Giao dịch giữa ông L với ông Tr, bà Ng diễn ra trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, các thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, có một số nội dung không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp. Cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là chưa chính xác, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Đối với lý do kháng cáo thứ hai và thứ ba: Tại phiên tòa phúc thẩm ông L cho biết giao dịch vay nợ và giao dịch mua bán nhà đất giữa vợ chồng ông và ông

bà Tr, Ng liên quan đến số tiền 4.307.777.000đồng chỉ là một, trong tổng số tiền này đã bao gồm số tiền 1.500.000.000đồng ông vay Ngân hàng với danh nghĩa Công ty TNHH Ch để ông Tr, bà Ng sử dụng. Trường hợp ông Tr, bà Ng trả đủ tiền cho ông thì giấy mua bán nhà đất không còn hiệu lực. Ngược lại ông Tr, bà Ng làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất cho ông thì ông bà không phải trả ông số tiền 4.307.777.000đồng đã nhận nợ. Tại phiên tòa, ông L chỉ yêu cầu ông Tr, bà Ng trả nợ, giao dịch mua bán nhà không còn hiệu lực, ông không còn quyền yêu cầu đối với giao dịch mua bán nhà. Như vậy, việc ông L trình bày và đưa ra quan điểm đã giải quyết được lý do kháng cáo của bị đơn, giải quyết được mâu thuẫn và thắc mắc của bị đơn về việc một khoản nợ phải trả làm hai lần. Do đó khẳng định giữa ông Tr, bà Ng và ông L, bà Th chỉ vay nợ 4.307.777.000đồng (trong đó có số tiền 1.500.000.000đồng vay Ngân hàng), khi ông L khởi kiện yêu cầu ông Tr, bà Ng trả nợ thì đồng nghĩa ông Tr, bà Ng không phải thực hiện cam kết chuyển nhượng nhà đất cũng như không phải trả khoản nợ tại Ngân hàng mà chỉ phải trả cho ông L duy nhất khoản tiền ông bà đã nhận nợ vào ngày 12/6/2015. Ông H cho rằng việc hủy giao dịch phải do hai bên tiến hành, tuy nhiên như đã phân tích thì ông L không còn quyền yêu cầu đối với giao dịch chuyển nhượng nhà đất ngày 12/6/2015 vì đã khởi kiện yêu cầu ông Tr bà Ng trả nợ, do vậy vấn đề này thuộc trường hợp không phải chứng minh nên luận điểm này của ông H không có cơ sở.

Đối với lý do kháng cáo thứ tư: Tại phiên tòa, Ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án biên bản xác nhận công nợ và bản tự khai bổ sung, theo đó Công ty TNHH Ch đã trả toàn bộ khoản nợ mà ông Tr, bà Ng dùng tài sản để thế chấp, tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của ông Tr, bà Ng không còn đảm bảo cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty TNHH Ch tại Ngân hàng. Ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người thế chấp. Do vậy, tài sản này không còn liên quan đến vụ án hành chính do bà Hồng Kim Z khởi kiện đang được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết.

Như vậy, các lý do kháng cáo và các nội dung tranh chấp đã được cấp phúc thẩm làm rõ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, cho nên yêu cầu kháng cáo của ông H không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các Điều 472, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị Th đối với ông Hồng Mỹ Tr và bà Nguyễn Thị Ng.

Buộc ông Hồng Mỹ Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị Th tổng số tiền là 5.133.339.500đồng (Năm tỷ một trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng);

Trong đó nợ gốc là 4.250.000.000đồng;

Nợ lãi là 883.339.500đồng được tính từ ngày 12/6/2015 đến ngày 09/8/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Đăng L, bà Phạm Thị Th có đơn đề nghị thi hành án mà ông Hồng Mỹ Tr, bà Nguyễn Thị Ng chưa trả được số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc theo mức lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồng Mỹ Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải chịu là 113.133.000đồng. Ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông L, bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000đồng theo biên lai số 04788 ngày 08/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0000132 ngày 22/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố V;
- Tòa án nhân dân thành phố V;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Quang Hùng

